TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST Ngày 24 - 7 - 2020 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thanh Vy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm

Ông Ngô Minh Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm, Thư ký Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 792/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phan Thành T, sinh năm 1982; Hộ khẩu thường trú: xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; tạm trú: Ấp L, xã G, huyện Đ1, tỉnh Long An; (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp H, xã H1, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 10 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phan Thành T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị H chung sống với nhau từ năm 2010, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bên gia đình anh tại Long An, vợ chồng cùng làm công nhân tại Khu công nghiệp B. Đến năm 2016 thì vợ chồng mâu

thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, chị H bỏ về nhà mẹ ruột sống tại ấp T, xã H1, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Trong thời gian ly thân, anh đã nhiều lần gặp chị H muốn hàn gắn nhưng không được. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Trọng N, sinh ngày 03/10/2012 hiện đang sống chung với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Ngọc H, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng, giấy triệu tập nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng trong vụ án và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, xác định thẩm quyền, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo đúng thành phần Hội đồng xét xử, phạm vi xét xử, trình tự thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Thành T đối với chị Nguyễn Ngọc H về việc ly hôn. Về con chung: Giao con chung là cháu Phan Trọng N, sinh ngày 03/10/2012 cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Phan Thành T có đơn đề nghị vắng mặt, chị Nguyễn Ngọc H đã được Toà án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do, do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị H là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Thành T và chị Nguyễn Ngọc H chung sống với nhau từ năm 2010, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ

[3] Sau khi kết hôn, anh T, chị H chung sống tại nhà anh T ở xã Mỹ Quí Đông, huyện Đ, tỉnh Long An, vợ chồng cùng làm công nhân tại Khu công nghiệp B. Đến năm 2016, chị H bỏ về nhà mẹ ruột sống ở ấp Lộc Trung, xã H1, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Anh T đã nhiều lần muốn hàn gắn nhưng không được. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, chị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý chí muốn hàn gắn. Xét thấy vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay, quan hệ hôn nhân thực tế không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phan Thành T đối với chị Nguyễn Ngọc H.

[4] Về con chung: Anh T, chị H có 01 con chung là Phan Trọng N, sinh ngày 03/10/2012, hiện đang sống chung với anh T. Xét thấy cháu N sống chung với anh T từ nhỏ và cháu có nguyện vọng muốn sống với cha nên cần giao cháu N cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên cần ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Phan Thành T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 264 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Thành T đối với chị Nguyễn Ngọc H.

Anh Phan Thành T được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc H.

Về con chung: Giao cháu Phan Trọng N, sinh ngày 03/10/2012 cho anh Phan Thành T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

Về nợ chung: Anh T trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh Phan Thành T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T đã nộp theo biên lai thu số 0017823 ngày 27/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng (nay là Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh; anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã M,
H. Đ, T. Long An
- Đương sự;
- Lưu: VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Võ Thanh Vy